TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04/**2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19/01/2026
Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Khởi

2. Ông Danh SiPhal

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huyền Giao – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – An Giang: Ông Phạm Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 88/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2025/QĐXX-TA ngày 12 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2025 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1988. Có mặt

Địa chỉ: Ấp R, xã V, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp R, xã V, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 10/10/2025 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Trần Thị D trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Văn T tự tìm hiểu yêu thương nhau cả hai tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 23/4/2013 tại UBND xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Quá trình chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cự cãi không có tiếng

nói chung. Đến năm 2021 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Tôi xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, nên tôi yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 03 con chung: 1/Nguyễn Thị Diễm Trang, sinh ngày 08/7/2011 giới tính nữ. 2/ Nguyễn Thị Đoan T1, sinh ngày 26/02/2013 giới tính nữ; 3/ Nguyễn Thị Huyền T2 sinh ngày 05/6/2020 giới tính nữ. Hiện nay 03 con đang sống với tôi, tôi yêu cầu tiếp tục nuôi 03 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ chúng tôi. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay ông Nguyễn Văn T không đến Tòa án và không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:* Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Trần Thị Diễm khởi K yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung với bị đơn ông Nguyễn Văn T. Đây là tranh chấp việc ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T là đúng quy định tại Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. *Về hôn nhân:* Bà Trần Thị D và ông Nguyễn Văn T tự tìm hiểu yêu thương nhau, sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày vào ngày 23/4/2013 tại UBND xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu tương đối hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, đến năm 2021 bà D, ông T sống ly thân cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà D là những mâu thuẫn thường gặp trong cuộc sống vợ chồng, đáng lẽ ra ông, bà phải tạo điều kiện góp ý, trao đổi, sửa chữa sai lầm khuyết điểm để hàn gắn tình cảm vợ chồng xây dựng gia đình hạnh phúc, nuôi dạy các con chung, nhưng ở đây ông T, bà D không làm được điều đó, mà lại sống ly thân nhau từ năm 2021 cho đến nay, làm cho mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, do đó nghĩ nên cho bà D được ly hôn với ông T là đúng theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. *Về con chung:* Vợ chồng bà D và ông T có với nhau 03 con chung; 1/Nguyễn Thị Diễm Trang, sinh ngày 08/7/2011 giới tính nữ; 2/ Nguyễn Thị Đoan T1, sinh ngày 26/02/2013 giới tính nữ; 3/ Nguyễn Thị Huyền T2 sinh ngày 05/6/2020 giới tính nữ. Hiện nay 03 con đang sống với bà D, bà D yêu cầu tiếp tục nuôi 03 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại 03 con đang sống với bà D, các con điều có nguyện vọng sống với mẹ, Do đó nghĩ nên giao 03 con chung cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. *Về tài sản chung, nợ:* Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Đại diện Viện kiểm sát ý kiến: Về tố tụng: Thẩm Phán – Hội đồng xét xử -Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn bà D đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của Nguyên đơn theo quy định tại Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa không lý do, Bị đơn ông T không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của Bị đơn theo quy định tại Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đề nghị Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà D được ly hôn với ông T. Về con chung: Giao 03 con chung cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con do bà D không yêu cầu. Về tài sản, nợ: Không có không yêu cầu giải quyết. Đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm xin ly hôn:* Căn cứ vào Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ tiền án phí tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003794 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà D không phải nộp thêm. Ông Nguyễn Văn T không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Diễm .

[**1**] Cho bà Trần Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

[**2]** Về con chung: Giao 03 con chung gồm: 1/Nguyễn Thị Diễm Trang, sinh ngày 08/7/2011 giới tính nữ; 2/Nguyễn Thị Đoan Trang, sinh ngày 26/02/2013 giới tính nữ; 3/ Nguyễn Thị Huyền T2 sinh ngày 05/6/2020 giới tính nữ. cho bà Trần Thị D tiếp tục nuôi dưỡng, ông Nguyễn Văn T không cấp dưỡng nuôi con, do bà Trần Thị Diễm K1 yêu cầu.

Ông Nguyễn Văn T có quyền lui tới thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở.

[3]. *Về tài sản chung, nợ:* Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[4]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Căn cứ vào Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ tiền án phí tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003794 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà D không phải nộp thêm. Ông Nguyễn Văn T không phải nộp án phí.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (niêm yết) bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;*
- *Viện kiểm sát ND Khu vực 6*
- *Phòng Thi hành án DS Khu vực 6;*
- *UBND xã nơi đăng ký kết hôn.*
- *Các đương sự;*
- *Lưu*: *Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Lợi

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát N1;*
- *Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu*: *Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn L

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Tấn Đ; Nguyễn Hoàng Hổ Nguyễn Tấn L

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát ND H. U Minh Thượng;*
- *Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu*: *Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Lợi